

Số: /2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo 2

THÔNG TƯ

Ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục, bao gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các đại học, học viện, trường đại học, cơ sở có đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, trường cao đẳng sư phạm, trường cao đẳng có đào tạo ngành giáo dục mầm non, trường dự bị đại học (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị).

2. Cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không áp dụng nội dung quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục

Nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục gồm mục đích, phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng, đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, ký hiệu biểu, kỳ báo cáo, thời hạn nhận báo cáo, phương thức gửi báo cáo và danh mục, biểu mẫu báo cáo kèm theo giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê.

1. Mục đích

Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục áp dụng đối với cơ quan, đơn vị nhằm thu thập thông tin thống kê đáp ứng yêu cầu biên soạn hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục (ban hành tại Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Phạm vi thống kê

Số liệu báo cáo trong hệ thống biểu mẫu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin thống kê bao gồm thông tin thống kê của các đơn vị trực thuộc và thông tin thống kê của các đơn vị thuộc quyền quản lý.

3. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 Thông tư này.

4. Đơn vị báo cáo

Đơn vị báo cáo là cơ quan, đơn vị được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu báo cáo thống kê.

5. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo là Bộ Giáo dục và Đào tạo và được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu báo cáo thống kê, dưới dòng đơn vị báo cáo.

6. Ký hiệu biểu

Ký hiệu biểu gồm hai phần: phần số và phần chữ; phần số được đánh số theo thứ tự báo cáo; phần chữ được ghi chữ in viết tắt, cụ thể: Nhóm chữ đầu phản ánh kỳ báo cáo (đầu năm học - ĐN; cuối năm học - CN; năm học - N), nhóm 2 phản ánh nhóm chỉ tiêu thống kê của báo cáo.

7. Kỳ báo cáo và thời hạn báo cáo:

a) Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo thống kê ngành giáo dục được tính theo năm học và được ghi cụ thể dưới tên biểu của từng biểu mẫu báo cáo thống kê;

b) Thời hạn nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê;

c) Báo cáo thống kê định kỳ:

Kỳ báo cáo thống kê giáo dục được tính theo năm học và thời hạn báo cáo:

- Báo cáo thống kê giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục khuyết tật mỗi năm thực hiện 02 kỳ báo cáo:

+ Kỳ báo cáo đầu năm học: Thời điểm báo cáo là ngày 30 tháng 9, thời hạn gửi báo cáo là ngày 30 tháng 10 hàng năm.

+ Kỳ báo cáo cuối năm học: Thời điểm báo cáo là ngày 31 tháng 5, thời hạn gửi báo cáo là ngày 30 tháng 6 hàng năm.

- Báo cáo thống kê giáo dục đại học, đào tạo ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng và dự bị đại học, mỗi năm thực hiện 01 kỳ báo cáo: Thời điểm báo cáo hàng năm là ngày 31 tháng 12 năm báo cáo, thời hạn gửi báo cáo là ngày 31 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

d) Báo cáo thống kê khác:

Báo cáo thống kê khác được thực hiện để giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thu thập các thông tin ngoài các thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ. Nội dung báo cáo thống kê khác thực hiện theo văn bản yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Phương thức gửi báo cáo

Các báo cáo thống kê được thực hiện thông qua hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn> và <https://hemis.moet.gov.vn>. Cơ quan, đơn vị gửi báo cáo thống kê bằng báo cáo điện tử hoặc bản giấy theo thời gian quy định trên từng biểu mẫu. Báo cáo điện tử dưới dạng tệp tin điện tử được xuất từ hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và xác thực bằng ký số của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị báo cáo hoặc báo cáo bằng bản giấy phải có chữ ký của Thủ trưởng, đóng dấu của đơn vị báo cáo để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

9. Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục gồm:

a) Danh mục hệ thống biểu mẫu chế độ báo cáo thống kê quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2018 ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục đại học, cơ sở có đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, trường cao đẳng sư phạm, trường cao đẳng có đào tạo ngành giáo dục mầm non, trường dự bị đại học; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; người đứng đầu các cơ sở giáo dục giáo dục đại học, cơ sở có đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các trường cao đẳng sư phạm, trường có đào tạo ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng, trường dự bị đại học và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Thống kê;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 5;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, CNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Minh Sơn